

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chinh
2. Ông Bùi Huỳnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 3, BN, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 3, BN, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn chị V có mặt, bị đơn anh D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu D tự nguyện tìm hiểu, không ai mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã BN, huyện TS, tỉnh Bình Định vào ngày 28/12/2004. Sau cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh D ở thôn 3, xã BN, TS, Bình Định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh D

bài bạc. Năm 2016 anh D vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, đến năm 2019 anh D quay về năn nỉ vợ chồng chung sống trở lại nhưng anh D vẫn tính nào tạt đó không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị không thể nào chung sống với anh D nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Giữa chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Hữu D (giới tính: Nữ), sinh ngày: 27/12/2004 và Nguyễn Hữu P (giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2012. Hiện hai con đang ở với chị, sức khỏe bình thường. Ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không nợ chung ai cũng không ai nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 25/5/2020 bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu V về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh ở thôn 3, xã BN, TS được một thời gian thì đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra cãi vã là do khó khăn về tài chính và bất đồng quan điểm sống. Nay chị V xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hữu D (giới tính: Nữ), sinh ngày: 27/12/2004 và Nguyễn Hữu P (giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2012. Hiện hai con đang sống với chị V tại thôn 3, xã BN, huyện TS. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu P còn cháu Nguyễn Hữu D do chị V nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Cháu P có nguyện vọng ở với mẹ là chị V thì anh yêu cầu Tòa xem xét, anh tha thiết xin được nuôi dưỡng cháu Phúc, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu Phúc.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không nợ chung ai cũng không ai nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng (BLTT) Dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 BLTT Dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu V; Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu V và anh Nguyễn Hữu D. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hữu D (giới tính: Nữ), sinh ngày: 27/12/2004 và Nguyễn Hữu P (giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị V không yêu cầu. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đương sự phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình của chị được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

Về sự vắng mặt của bị đơn. Anh Nguyễn Hữu D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do, căn cứ quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu V và anh Nguyễn Hữu D kết hôn vào ngày 28/12/2004 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BN, huyện TS, Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh D ở thôn 3, xã BN, huyện TS được thời gian 10 năm thì đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp thường xuyên cãi vã và do khó khăn về kinh tế, mâu thuẫn không được giải quyết triệt để nên ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị V yêu cầu được ly hôn anh D, anh D cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị V và anh D không thể nào chung sống với nhau được, cả hai không có thiện chí hàn gắn, việc chị V và anh D thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh D đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu D (giới tính: Nữ), sinh ngày 27/12/2004 và Nguyễn Hữu P (giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2012, hiện cháu D và cháu P đang ở với chị V. Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con, anh D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phúc, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu Phúc. Xét thấy cháu D và cháu P đã trên 07 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ là chị V, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu P đến tuổi trưởng thành, không yêu

cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Phúc lâu nay ở với chị V đã ổn định, cháu có nguyện vọng ở với chị V và để đảm bảo quyền lợi của cháu D, P chị V đã chứng minh chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung được UBND xã BN xác nhận ngày 9/6/2020, còn anh D thường xuyên vắng nhà nên không có điều kiện chăm sóc nuôi con. Do đó, HĐXX giao cháu D và cháu P cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị V không yêu cầu nên Tòa không xét.

Xét việc anh Nguyễn Hữu D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu P và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị V và anh D mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng chị V tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006678 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, chị V đã nộp xong.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu V và anh Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị Thu V được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/12/2004 và Nguyễn Hữu P (Giới tính: Nam), sinh ngày 29/9/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

- Bác yêu cầu của anh Nguyễn Hữu D về việc yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu P là không có căn cứ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu V tự nguyện chịu án phí về ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006678 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/8/2020), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí